

BÁO CÁO

Kết quả thống kê đất đai năm 2021 trên địa bàn huyện Triệu Sơn

Thực hiện Luật đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật; Công văn số 10002/STNMT-ĐDBĐ ngày 12/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá. UBND huyện Triệu Sơn thực hiện thống kê đất đai năm 2021 trên địa bàn huyện, thời điểm thống kê đất đai năm 2021 huyện được tính hết đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021, cụ thể như sau:

PHẦN I. TỔNG QUAN CHUNG

1. Sự cần thiết thống kê đất đai

Đất đai là tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt sản xuất ra lương thực - thực phẩm cung cấp cho nhu cầu của con người. Đất đai cũng là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh quốc phòng. Thống kê đất đai đã được quy định trong các văn bản pháp luật về đất đai: Luật đất đai năm 2013, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành luật đất đai. Thống kê đất đai có ý nghĩa quan trọng đánh giá đúng thực trạng tình hình sử dụng đất; đánh giá thực trạng quỹ đất đang quản lý, sử dụng, các loại đất, đối tượng sử dụng đất, nguyên nhân biến động tăng giảm các loại đất.

Với những vấn đề nêu trên, công tác thống kê đất đai trên địa bàn huyện đã được quan tâm đúng mức, triển khai sớm để đảm bảo kịp thời, chính xác, phản ánh đầy đủ diện tích tự nhiên của các xã, thị trấn, biến động diện tích các loại đất và nguyên nhân biến động.

2. Mục đích thống kê đất đai

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất tại các xã đến từng loại đất, đối tượng sử dụng đất theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 24/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đánh giá đúng thực trạng tình hình quản lý, sử dụng đất, biến động đất đai.

- Thiết lập cơ sở dữ liệu thống kê đất đai của các xã và của huyện nhằm đánh giá thực trạng sử dụng đất và quá trình biến động đất đai, qua đó nắm tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt cũng như việc thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng đất, làm cơ sở cho việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các giai đoạn tiếp theo.

- Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất.

PHẦN II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý

Huyện Triệu Sơn nằm ở phía Tây Nam tỉnh Thanh Hóa, thuộc châu thổ sông Mã - sông Chu; trung tâm huyện cách Thành phố Thanh Hóa 20 km về phía Tây theo Quốc lộ 47.

Có tọa độ địa lý: 19⁰52” đến 20⁰02” Vĩ độ Bắc;
105⁰24” đến 105⁰42” Kinh độ Đông.

Vị trí tiếp giáp:

- Phía Đông giáp huyện Đông Sơn;
- Phía Tây giáp huyện Thọ Xuân và Thường Xuân;
- Phía Nam giáp huyện Như Thanh và Nông Cống;
- Phía Bắc giáp Thiệu Hoá và Thọ Xuân.

Có diện tích tự nhiên 29.004,53 ha, là huyện trọng điểm lúa. Thực hiện Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa, huyện Triệu Sơn có 34 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 32 xã và 02 thị trấn, trong đó 2 xã miền núi, 32 xã, thị trấn đồng bằng và vùng đồi. Thị trấn Triệu Sơn cách thành phố Thanh Hoá 20 km về phía Tây, cách khu đô thị Công nghiệp Mục Sơn - Lam Sơn 16 km về phía Đông Nam.

1.2. Địa hình, địa mạo

a, Địa hình:

Triệu Sơn nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa vùng đồng bằng phía Đông và Đông Bắc với vùng núi phía Tây và Tây Nam. Vì vậy, Triệu Sơn có địa hình bán sơn địa, bề mặt lãnh thổ có địa hình khá phức tạp, có độ nghiêng từ Tây Nam xuống Đông Bắc, chia thành hai vùng địa hình tự nhiên:

- Vùng núi gồm 2 xã: Bình Sơn, Thọ Bình; có diện tích tự nhiên 3.537,87ha, chiếm 12,20% diện tích tự nhiên toàn huyện, có độ cao trung bình 70 - 80 m so với trung bình mặt nước biển.

- Vùng đồng bằng gồm: Thị trấn Triệu Sơn và các xã còn lại của huyện, có diện tích tự nhiên 25.466,66 ha, chiếm 87,80% diện tích toàn huyện. Trong vùng có xã Vân Sơn, Thái Hòa, Tân Ninh có địa hình của vùng đồi núi với đỉnh núi Nưa cao 537 m. Dãy núi Nưa cùng với dãy núi Ô (núi đá) ở xã Đồng Thắng tạo thành vòng cung ở phía Nam và Tây Nam của huyện; là một trong những

nguyên nhân gây ra vùng ngập đối với các xã phía Đông Nam của huyện. Các xã còn lại có địa hình khá bằng phẳng; tuy vậy, xen giữa các cánh đồng bằng phẳng vẫn có các đồi và núi đá độc lập, cá biệt có một số vùng trũng thường bị úng cục bộ khi có mưa lớn.

b. Địa mạo:

Do điều kiện địa hình nằm ở rìa ngoài của miền tự nhiên Tây Bắc đang được nâng lên, tiếp giáp với miền sụt võng là các đồng bằng châu thổ. Đây là những khu vực núi thấp uốn nếp được cấu tạo bằng nhiều loại đá khác nhau, từ các đá trầm tích (đá phiến, đá vôi, cát kết, cuội kết, sỏi kết...). Chúng nằm xen kẽ nhau, có khi lồng vào nhau, làm phong cảnh thay đổi không ngừng. Đồng bằng châu thổ Thanh Hoá được cấu tạo bởi phù sa hiện đại là dải đất cao được cấu tạo bởi phù sa cũ của sông Nhon, sông Hoàng, Sông Nổ Hén, Hệ thống thủy nông Sông Chu. Trên đồng bằng có một số đồi núi xen kẽ với độ cao trung bình 200 - 300 m, được cấu tạo bằng nhiều loại đá khác nhau (đá vôi, đá phiến). tương đối thuận tiện cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế đô thị.

1.3. Khí hậu và thời tiết

Huyện Triệu Sơn nằm ở vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa với 2 mùa rõ rệt: Mùa hạ nóng, ẩm mưa nhiều và chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam khô, nóng. Mùa đông lạnh và ít mưa.

- **Chế độ nhiệt:** Triệu Sơn có nền nhiệt độ cao, nhiệt độ trung bình năm khoảng 23°C - 30°C , tổng nhiệt độ năm vào khoảng 8.500°C - 8.700°C . Hàng năm có 4 tháng nhiệt độ trung bình thấp dưới 20°C (từ tháng XII đến tháng III năm sau), có 8 tháng nhiệt độ trung bình cao hơn 25°C (từ tháng IV đến tháng XI). Biên độ ngày đêm từ 7°C - 10°C , biên độ năm từ 11°C - 12°C . Tuy vậy, chế độ nhiệt có sự khác biệt khá rõ nét giữa các tiểu vùng

+ Vùng khí hậu đồng bằng và ven biển có nền nhiệt độ cao, biên độ năm từ 11°C - 13°C , biên độ nhiệt độ ngày từ $5,5^{\circ}\text{C}$ - 7°C , nhiệt độ trung bình năm là $24,2^{\circ}\text{C}$.

+ Vùng khí hậu trung du có nền nhiệt độ cao vừa phải, tổng nhiệt độ trung bình cả năm 7.600°C - 8.500°C , nhiệt độ trung bình năm khoảng $24,1^{\circ}\text{C}$.

+ Vùng khí hậu núi cao có nền nhiệt độ thấp, mùa đông rét có sương muối, mùa hè mát dịu, ít bị ảnh hưởng của gió khô nóng, tổng nhiệt độ trung bình cả năm khoảng dưới 8.000°C , nhiệt độ trung bình năm khoảng $23,8^{\circ}\text{C}$.

- **Độ ẩm:** Độ ẩm không khí biến đổi theo mùa nhưng sự chênh lệch độ ẩm giữa các mùa là không lớn. Độ ẩm trung bình các tháng hàng năm khoảng 85%.

- **Chế độ mưa:** Lượng mưa ở huyện Triệu Sơn là khá lớn, trung bình năm từ 1.456,6 - 1.762,6 mm, nhưng phân bố rất không đều giữa hai mùa và lớn dần từ Bắc vào Nam và từ Tây sang Đông. Mùa khô (từ tháng XI đến tháng IV năm sau) lượng mưa rất ít, chỉ chiếm 15 - 20% lượng mưa cả năm, khô hạn nhất là tháng I, lượng mưa chỉ đạt 4 - 5 mm/tháng. Ngược lại mùa mưa (từ tháng V đến tháng X) tập trung tới 80 - 85% lượng mưa cả năm, mưa nhiều nhất vào tháng

VIII có 15 đến 19 ngày mưa với lượng mưa lên tới 440 - 677 mm. Ngoài ra trong mùa này thường xuất hiện giông, bão kèm theo mưa lớn trên diện rộng gây úng lụt. Độ ẩm không khí tương đối cao, trung bình từ 84 - 86% và có sự chênh lệch giữa các vùng và theo mùa. Mùa mưa độ ẩm không khí thường cao hơn mùa khô từ 10 - 18%.

- **Chế độ nắng và bức xạ mặt trời:** Tổng số giờ nắng bình quân trong năm từ 1.600 - 1.800 giờ. Các tháng có số giờ nắng nhiều nhất trong năm là từ tháng V đến tháng VIII đạt từ 237 - 288 giờ/tháng, các tháng XII và tháng I có số giờ nắng thấp nhất từ 55- 59 giờ/tháng.

Tổng bức xạ vào các tháng mùa hè lên rất cao, đạt tới 500 - 600 cal/cm²/ngày từ tháng V đến tháng VII, đó là thời kỳ ít mây và mặt trời ở gần thiên đỉnh. Tuy nhiên vào mùa đông xuân rất nhiều mây, ít nắng và mặt trời xuống thấp cho nên bức xạ mặt trời giảm sút rõ rệt, cực tiểu vào các tháng XII hoặc tháng I với mức độ 200 - 500 cal/cm²/ngày.

- **Chế độ gió:** Huyện Triệu Sơn nằm trong vùng bán sơn địa

Vào mùa hè, hướng gió thịnh hành là hướng Đông và Đông Nam; các tháng mùa đông hướng gió thịnh hành là hướng Bắc và Đông Bắc.

Tốc độ gió trung bình năm từ 1,3 - 2 m/s, tốc độ gió mạnh nhất trong bão từ 30 -40 m/s, tốc độ gió trong gió mùa Đông Bắc mạnh trên dưới 20 m/s.

Qua theo dõi những năm gần đây vùng núi gió không nhiều với lượng gió trung bình, bão và gió mùa Đông Bắc yếu hơn các vùng khác. Tốc độ gió giảm thấp, bình quân tốc độ gió khoảng 1,0-1,5 m/giây; gió bão khoảng 25 m/giây.

- **Bão và áp thấp nhiệt đới:** Tình hình thời tiết ở tỉnh Thanh Hóa nói chung và huyện Triệu Sơn nói riêng là bất thường, bão lũ xuất hiện không theo tính quy luật, mức độ ngày càng nhiều, cường độ ngày càng tăng, phạm vi xảy ra ở khắp các vùng miền gây hậu quả hết sức nặng nề về người và của, làm ảnh hưởng rất lớn đến tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh.

- Tuy nhiên những năm gần đây, lượng bão và áp thấp giảm mạnh, nên không ảnh hưởng nhiều đến nền kinh tế của huyện.

Thanh Hóa thuộc vùng Bắc Trung Bộ, là vùng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu. Những năm gần đây, đã có nhiều biểu hiện khá rõ những thay đổi về thời tiết và các thiên tai thường xuyên xảy ra với mức độ ngày càng khắc nghiệt hơn. Nhiệt độ các tháng VI, VII, VIII có xu thế tăng lên khá rõ. Lượng mưa tháng VIII những năm gần đây cao hơn trung bình nhiều năm.

Các cơn bão ở huyện Triệu Sơn thường xuất hiện từ tháng VIII đến tháng X hàng năm. Tốc độ gió trung bình là 1,72 m/s, dao động từ 1,2 - 3,8 m/s, tốc độ gió mạnh nhất trong bão ghi nhận được từ 30 - 40 m/s.

2. Thực trạng kinh tế xã hội

So với các huyện của Thanh Hóa, thực trạng phát triển đô thị, cơ sở hạ tầng huyện Triệu Sơn đã có bước phát triển mạnh, tiên bộ. Do huyện Triệu Sơn

nằm ở trục phía Tây của tỉnh có vị trí địa lý khá thuận lợi, có sức hấp dẫn các nhà đầu tư, hiện tại có nhiều dự án phát triển đã và đang triển khai trên địa bàn các xã đã mang sắc thái mới cho diện mạo của huyện. Trên địa bàn đã hình thành các trung tâm thương mại hiện đại và một số khu đô thị mới hình thành giúp thay đổi bộ mặt của huyện theo hướng hiện đại hóa. Huyện Triệu Sơn hiện đang là địa chỉ thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư lớn, có tiềm năng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện. Trong những năm qua cơ sở hạ tầng kinh tế – xã hội được đầu tư, nâng cấp, công tác đầu tư xây dựng cơ bản được đẩy mạnh.

Kinh tế trên địa bàn tiếp tục tăng trưởng, thu, chi ngân sách được đảm bảo, UBND huyện điều hành chi ngân sách đúng Luật, đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm.

3. Tình hình quản lý sử dụng đất

Công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện đã có những bước chuyển biến mạnh mẽ và tiến bộ rõ rệt, công tác quản lý, sử dụng đất đi vào kỷ cương, nề nếp theo quy định của pháp luật. Đất đai đã được sử dụng có hiệu quả, đóng góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội.

3.1. Công tác chỉ đạo, ban hành các văn bản trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai, đã được Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân và UBND Huyện đặc biệt quan tâm. Căn cứ pháp luật đất đai, các Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ ngành Trung ương, các Chương trình, Nghị quyết của Thành uỷ và Hội đồng nhân dân Huyện, trong những năm qua UBND Huyện đã ban hành kịp thời, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai, nhiệm vụ chính trị, an ninh – quốc phòng và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

3.2. Công tác thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện đạt được một số kết quả nhất định, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện vẫn còn gặp nhiều khó khăn về chính sách đầu tư, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất, khó khăn về nguồn vốn thực hiện. Nhiều khu đất dự án, đã được giao đất để thực hiện giải phóng mặt bằng nhưng chậm triển khai để đất hoang hóa hoặc bị lấn chiếm, xây dựng công trình trái phép gây khó khăn trong việc quản lý đất đai, quản lý trật tự xây dựng và quy chủ sử dụng đất, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác giải phóng mặt bằng dự án dẫn đến thời gian triển khai các dự án kéo dài.

3.3. Công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: được thẩm định đúng theo quy định của pháp luật.

3.4. Chủ động phối hợp cùng Ban chỉ đạo GPMB huyện tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác GPMB cho các công trình, dự án trên địa bàn huyện.

3.5. Công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Huyện, nhằm mục tiêu quản lý đến từng thửa đất, từng chủ sử dụng đất, tạo điều kiện để người sử dụng đất thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, từng bước hình thành và

phát triển thị trường bất động sản có sự quản lý của Nhà nước. Để kịp thời khắc phục những hạn chế, nhằm tạo sự chuyên biến thật sự rõ nét trong công tác cấp Giấy chứng nhận.

PHẦN III. THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2021

I. Cơ sở pháp lý và phương pháp thống kê đất đai

1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Căn cứ Công văn số 10002/STNMT-ĐĐBĐ ngày 12/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

2. Nguồn số liệu, tài liệu sử dụng để tổng hợp thống kê đất đai tại cấp xã và độ tin cậy của tài liệu, số liệu thu thập;

- Nguồn số liệu, tài liệu để thực hiện công tác thống kê của các xã gồm:
 - + Kết quả thống kê đất đai năm 2020;
 - + Bản đồ địa chính dạng số được đo đạc thành lập trên hệ tọa độ VN-2000;
- Đánh giá độ tin cậy của tài liệu, số liệu phục vụ làm thống kê:
 - + Kết quả thống kê đất đai năm 2020 đã được các cơ quan chuyên môn của sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu theo các quy định,
 - + Việc thống kê đất đai ở các xã đã được thực hiện trên cơ sở rà soát, đối chiếu bảng tổng hợp các trường hợp biến động đã thực hiện xong thủ tục hành chính về đất đai trong năm thống kê do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa và chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Triệu Sơn tổng hợp chuyển đến theo mẫu Phụ lục số 03.2 chuyển đến các xã rà soát với thực tế sử dụng đất để cập nhật, chỉnh lý bản đồ kiểm kê đất đai và tổng hợp số liệu thống kê đất đai trên địa bàn xã năm 2021.

3. Phương pháp thực hiện

Đối với cấp xã thực hiện tổng hợp số liệu trên hệ thống phần mềm TK Desktop, số liệu cấp huyện thực hiện đồng bộ tổng hợp kết quả qua hệ thống Website <http://tkonline.gdla.gov.vn/> của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể:

3.1. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các công việc:

- Rà soát thực tế các trường hợp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đăng ký biến

động đất đai để xác định và chỉnh lý bản đồ khoanh đất đối với các trường hợp biến động về loại đất, loại đối tượng sử dụng đất, đối tượng quản lý đất trong năm thống kê; xác nhận các trường hợp biến động đã hoàn thành thủ tục hành chính nhưng chưa thực hiện trong thực tế vào bảng tổng hợp các trường hợp biến động do Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển đến;

- Tổng hợp số liệu thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp xã gồm các Biểu: 01/TKĐĐ, 02/TKĐĐ, 03/TKĐĐ, 05/TKĐĐ và 05a/TKĐĐ;

- Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất và tình hình biến động đất đai của địa phương, lập các Biểu: 12/TKĐĐ, 13/TKĐĐ và 14/TKĐĐ;

- Xây dựng báo cáo kết quả thống kê đất đai;

- Kiểm tra, hoàn thiện, trình duyệt, in sao và giao nộp báo cáo kết quả thống kê đất đai cấp xã về cấp huyện;

3.2. Phòng Tài nguyên và môi trường huyện thực hiện:

- Tiếp nhận và kiểm tra số liệu thống kê đất đai của các xã giao nộp.

- Tổng hợp số liệu thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp huyện, gồm các Biểu: 01/TKĐĐ, 02/TKĐĐ, 03/TKĐĐ, 04/TKĐĐ; 05/TKĐĐ và 11/TKĐĐ;

- Phân tích số liệu thống kê, đánh giá hiện trạng sử dụng đất và tình hình biến động đất đai của địa phương, lập các Biểu: 12/TKĐĐ, 13/TKĐĐ, 14/TKĐĐ và 15/TKĐĐ;

- Xây dựng báo cáo kết quả thống kê đất đai của huyện;

- Kiểm tra, hoàn thiện, trình duyệt, in sao và giao nộp báo cáo kết quả thống kê đất đai trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường.

3.3 Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Triệu Sơn

Tổng hợp các thửa đất có biến động về đất đai đã thực hiện xong thủ tục hành chính trong kỳ thống kê đất đai gửi Ủy ban nhân dân các xã để thực hiện thống kê đất đai (theo mẫu Phụ lục 03.2 thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ TN&MT).

II. Phân tích đánh giá hiện trạng sử dụng đất, tình hình biến động đất đai đến ngày 31/12/2021

Tổng diện tích tự nhiên trên toàn huyện 29.004,5 ha:

1. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất theo các chỉ tiêu thống kê

1.1. Theo chỉ tiêu các loại đất

a) Đất nông nghiệp: Có diện tích 19.358,8 ha, chiếm 66,74% diện tích tự nhiên của huyện, chủ yếu là đất bằng trồng lúa.

b) Đất phi nông nghiệp: Có diện tích 9.380,1 ha, chiếm 32,34% diện tích tự nhiên của huyện.

- Đất ở: Có diện tích 4.650,3 ha, chiếm 16,03% diện tích tự nhiên của huyện.

- Đất chuyên dùng: Có diện tích 3.761,0 ha, chiếm 12,97% diện tích tự nhiên của huyện.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Có diện tích 36,1 ha, chiếm 0,12% diện tích tự nhiên của huyện.

+ Đất quốc phòng: Có diện tích 126,7 ha, chiếm 0,44% diện tích tự nhiên của huyện.

+ Đất an ninh: Có diện tích 0,6 ha, chiếm 0,00% diện tích tự nhiên của huyện.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Có diện tích 204,9 ha, chiếm 0,71% diện tích tự nhiên của huyện.

+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Có diện tích 686,1 ha, chiếm 2,37% diện tích tự nhiên của huyện.

+ Đất có mục đích công cộng: Có diện tích 2.706,6 ha, chiếm 9,33% diện tích tự nhiên của huyện.

+ Đất cơ sở tôn giáo: Có diện tích 7,0 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên của huyện.

+ Đất cơ sở tín ngưỡng: Có diện tích 9,0 ha, chiếm 0,03% diện tích tự nhiên của huyện.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Có diện tích 216,3 ha, chiếm 0,75% diện tích tự nhiên của huyện.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Có diện tích 338,4 ha, chiếm 1,17% diện tích tự nhiên của huyện.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng: Có diện tích 396,5 ha, chiếm 1,37% diện tích tự nhiên của huyện.

+ Đất phi nông nghiệp khác: Có diện tích 1,6 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên của huyện.

c) Đất chưa sử dụng: Có diện tích 265,8 ha, chiếm 0,92% diện tích tự nhiên của huyện, chủ yếu là đất bằng chưa sử dụng.

1.2. Theo chỉ tiêu các đối tượng sử dụng đất.

- Hộ gia đình cá nhân trong nước có diện tích 18.302,2 ha, chiếm 63,1 % diện tích tự nhiên.

- Tổ chức kinh tế có diện tích 870,4 ha, chiếm 3,0% diện tích tự nhiên.

- Cơ quan, đơn vị của Nhà nước có diện tích 6.021,6 ha, chiếm 20,76% diện tích tự nhiên.

- Tổ chức sự nghiệp công lập có diện tích 138,6ha, chiếm 0,48% diện tích tự nhiên.

- Tổ chức khác có diện tích 0,2ha, chiếm 0% diện tích tự nhiên.

- Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo có diện tích 16,0ha, chiếm 0,06% diện tích tự nhiên.

1.3. Theo chỉ tiêu đối tượng quản lý.

- UBND cấp xã có diện tích 2.967,1 ha, chiếm 10,23% diện tích tự nhiên.
- Cộng đồng dân cư và Tổ chức khác có diện tích 688,5 ha, chiếm 2,37% diện tích tự nhiên.

2. Phân tích, tình hình biến động về sử dụng đất từ 01/01/2021-31/12/2021

Yêu cầu đặt ra cho công tác quản lý đất đai ngày càng cao hơn để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội. Chính sách pháp luật về đất đai ngày càng hoàn thiện, chính quyền luôn tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quan tâm đầu tư về con người và kinh phí cho công tác quản lý đất đai. Công tác đo đạc, chỉnh lý biến động đất đai được cập nhật thường xuyên. Xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm, đăng ký thống kê biến động đất đai, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập quy hoạch khu đô thị mới và các điểm dân cư. Giải quyết cơ bản các đơn thư kiến nghị và tranh chấp đất đai theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương.

Tình hình biến động về sử dụng đất từ 01/01/2021 - 31/12/2021

2.1. Về tổng diện tích tự nhiên

Về tổng diện tích tự nhiên của huyện giữa kỳ thống kê 2020 và thống kê 2021 là không có sự thay đổi với diện tích tự nhiên là 29.004,5 ha.

2.2. Về đất nông nghiệp:

Năm 2021 là 19.358,8 ha, giảm 43,5 ha so với năm 2020 (19.402,3 ha).

2.2.1. Đất sản xuất nông nghiệp:

Diện tích năm 2021 là 13.724,0 ha, giảm là 49,6 ha, trong đó:

- **Đất trồng lúa:** Tổng diện tích năm 2021 là 12.161,9 ha, so với năm 2020 giảm 49,1 ha do:

Biến động giảm:

+ Chuyển sang Đất nông nghiệp khác	: 6,1 ha.
+ Chuyển sang Đất ở tại nông thôn	: 13,7 ha.
+ Chuyển sang Đất ở tại đô thị	: 1,5 ha.
+ Chuyển sang Đất xây dựng công trình sự nghiệp	: 6,2 ha.
+ Chuyển sang Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	: 13,3 ha.
+ Chuyển sang Đất có mục đích công cộng	: 8,3 ha.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** Tổng diện tích năm 2021 là 998,4 ha, so với năm 2020 giảm 0,4 ha do:

Biến động giảm:

+ Chuyển sang Đất ở tại nông thôn	: 0,3 ha.
-----------------------------------	-----------

+ Chuyển sang Đất có mục đích công cộng : 0,1 ha.

- *Đất trồng cây lâu năm*: Tổng diện tích năm 2021 là 1.562,7 ha, so với năm 2020 giảm 0,1 ha do:

Biến động giảm:

+ Chuyển sang Đất có mục đích công cộng : 0,1 ha.

2.2.2. *Đất lâm nghiệp*:

Năm 2021 là 4.847,2 ha so với năm 2020 (4.847,2 ha) diện tích đất lâm nghiệp của huyện là không thay đổi.

2.2.3. *Đất nuôi trồng thủy sản*:

Năm 2021 có diện tích là 526,9 ha so với năm 2020 giảm 0,7 ha do:

+ Chuyển sang Đất nông nghiệp khác : 0,3 ha.

+ Chuyển sang Đất ở tại nông thôn : 0,1 ha.

+ Chuyển sang Đất xây dựng công trình sự nghiệp : 0,2 ha.

+ Chuyển sang Đất có mục đích công cộng : 0,1 ha.

2.2.4. *Đất nông nghiệp khác*:

Năm 2021 có diện tích là 260,7 ha, tăng 6,9 ha so với năm 2020.

Biến động tăng:

+ Chuyển từ đất trồng lúa sang : 6,1 ha;

+ Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản : 0,3 ha;

+ Chuyển từ đất có mục đích công cộng sang : 0,3 ha;

+ Chuyển từ đất bằng chưa sử dụng sang : 0,1 ha;

2.3. *Đất phi nông nghiệp*:

Có diện tích năm 2021 là 9.380,1 ha, so với năm 2020 (9.336,4 ha) diện tích đất phi nông nghiệp của huyện tăng 43,6 ha:

2.3.1. *Đất ở*:

Tổng diện tích năm 2021 là 4.650,3 ha, so với năm 2020 tăng 15,9 ha, trong đó:

- Đất ở tại nông thôn là 4.302,8 ha, tăng 14,4 ha so với năm 2020.

Biến động tăng:

+ Chuyển từ đất lúa sang : 13,7 ha

+ Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang : 0,3 ha;

+ Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản : 0,1 ha;

+ Chuyển từ đất có mục đích công cộng sang : 0,5 ha;

+ Chuyển từ đất bằng chưa sử dụng sang : 0,1 ha;

- Đất ở tại đô thị: Đất ở đô thị diện tích là 347,4 ha tăng 1,5 ha so với năm 2020 (346,0) ha.

Biến động tăng:

+ Chuyển từ đất lúa sang : 1,5 ha

2.3.2. Đất chuyên dùng:

Tổng diện tích năm 2021 là 3.761,0 ha, so với năm 2020 (3.732,6 ha) tăng 28,3 ha, trong đó:

- *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*: Có diện tích năm 2021 là 36,1 ha, so với năm 2020 (36,1ha) diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan không thay đổi.

- *Đất quốc phòng*: Có diện tích năm 2021 là 126,7 ha, so với năm 2020 (126,7 ha) diện tích đất quốc phòng không thay đổi.

- *Đất an ninh*: Có diện tích năm 2021 là 0,6 ha, so với năm 2020 (0,6 ha) diện tích đất an ninh không thay đổi.

- *Đất xây dựng công trình sự nghiệp*: Có diện tích năm 2021 là 204,9 ha, so với năm 2020 tăng 7,4 ha do:

Biến động tăng:

+ Chuyển từ đất trồng lúa sang : 6,2 ha;

+ Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản : 0,2 ha;

+ Chuyển từ đất có có mặt nước chuyên dùng sang : 0,6 ha

- *Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp*: Có diện tích năm 2021 là 686,1 ha, so với năm 2020 tăng 13,7 ha do:

Biến động tăng:

+ Chuyển từ đất trồng lúa sang : 13,3 ha;

+ Chuyển từ đất có mục đích công cộng sang : 0,4 ha;

- *Đất có mục đích công cộng*: Có diện tích năm 2021 là 2.709,6 ha, so với năm 2020 tăng 7,3 ha do:

Biến động tăng:

+ Chuyển từ đất trồng lúa sang : 8,3 ha;

+ Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang : 0,2 ha;

+ Chuyển từ đất trồng cây lâu năm khác sang : 0,1 ha;

+ Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản : 0,1 ha;

+ Chuyển từ đất bằng chưa sử dụng sang : 0,1 ha;

Biến động giảm:

+ Chuyển sang đất nông nghiệp khác : 0,3 ha;

- + Chuyển sang đất ở tại nông thôn : 0,4 ha;
- + Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp : 0,3 ha;
- + Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp : 0,4 ha;

2.3.3. Đất nghĩa trang, nghĩa địa:

Diện tích năm 2021 là 216,3 ha, so với năm 2020 (216,3 ha) diện tích Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT không thay đổi.

2.3.4. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:

Diện tích năm 2021 là 338,4 ha, so với năm 2020 (338,4 ha) diện tích Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối không thay đổi.

2.3.5. Đất có mặt nước chuyên dùng:

Có diện tích năm 2021 là 396,5 ha, so với năm 2020 giảm 0,6 ha do:

Biến động giảm:

- + Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp : 0,3 ha;

2.3.6. Đất phi nông nghiệp khác:

Có diện tích năm 2021 là 1,6 ha, so với năm 2020 (1,6 ha) diện tích đất phi nông nghiệp khác không thay đổi.

2.4. Đất chưa sử dụng

Năm 2021 diện tích là 265,7 ha, so với năm 2020 diện tích (265,8 ha) giảm 0,1 ha; giảm ở đất bằng chưa sử dụng do:

- + Chuyển sang đất nông nghiệp khác : 0,1 ha;

Trong năm 2021, trên địa bàn huyện tiếp tục thực hiện hoàn thiện kết quả thống kê đất đai 2020 của các xã cập nhật theo bản đồ địa chính mới đo theo dự án tổng thể phản ánh đúng thực tế sử dụng đất, có độ tin cậy cao đã cập nhật cơ bản các biến động đất đai trên địa bàn.

PHẦN IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Thống kê đất đai năm 2021 của huyện Triệu Sơn được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 27/2018/TT-BTNMT; thực hiện trên hệ thống phần mềm do bộ Tài nguyên và Môi trường phát hành, đã xác định được đầy đủ và chính xác diện tích các loại đất theo các đối tượng sử dụng và đối tượng quản lý.

Số liệu thống kê đất đai năm 2021 là căn cứ để cung cấp thông tin đất đai cho các ngành, lĩnh vực, cơ sở tích hợp số liệu cho cả huyện và là căn cứ để UBND Huyện đưa đất đai vào quản lý, khai thác sử dụng hợp lý có hiệu quả.

2. Kiến nghị biện pháp tăng cường quản lý, sử dụng đất đai

Tăng cường công tác thanh tra giám sát, xử phạt nghiêm theo đúng quy định của Luật đất đai đối với các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai.

Trên đây là báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2021 trên địa bàn huyện Triệu Sơn. Kính đề nghị sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND huyện và Bộ Tài nguyên Môi trường./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường (b/cáo);
- CT, các PCT UBND huyện (b/cáo);
- TT đơn vị liên quan;
- Lưu VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Phú Quốc